

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI THÀNH TẠI TÒA ÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH HÒA BÌNH

Thẩm phán ra quyết định: Bà Nguyễn Thị Đà Giang

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 55 và Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 32, Điều 33, Điều 34, Điều 35 và Điều 36 của luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải tại Tòa án ngày 16 tháng 9 năm 2021, về việc các bên thỏa thuận được với nhau về giải quyết toàn bộ vụ việc ly hôn, nuôi con chung sau khi ly hôn giữa:

- Người khởi kiện: Chị Bùi Thị Nh, sinh năm 1988;

- Người bị kiện: Anh Bùi Văn Ng, sinh năm 1984;

Đều có nơi cư trú tại: Xóm C, xã B, huyện K, tỉnh Hòa Bình.

Sau khi nghiên cứu Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải tại Tòa án cùng tài liệu kèm theo do Hòa giải viên chuyển sang Tòa án,

XÉT THẤY:

Nội dung thỏa thuận, thống nhất của các bên được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải tại Tòa án đã có đủ điều kiện quy định tại Điều 33 luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Đã hết thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án nhận được Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải và tài liệu kèm theo, không có bên nào ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án giữa các bên hòa giải chị Bùi Thị Nh, sinh năm 1988 và anh Bùi Văn Ng, sinh năm 1984; Đều cư trú tại: Xóm C, xã B, huyện K, tỉnh Hòa Bình.

2. Công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án của các bên cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Nh và anh Bùi Văn Ng thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Chị Bùi Thị Nh được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung là Bùi Thành L, sinh ngày 25/01/2018; anh

Bùi Văn Ng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung là Bùi Như L, sinh ngày 29/1/2021 cho đến khi con 18 tuổi hoặc có quyết định khác của Tòa án. Chị Bùi Thị Nh và anh Bùi Văn Ng chưa yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Bùi Thị Nh và anh Bùi Văn Ng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2.3. *Về tài sản chung*: Không có, không yêu cầu giải quyết.

2.4. *Về nợ chung*: Không có, không yêu cầu giải quyết.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

4. Các bên, người đại diện hoặc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến quyết định của Tòa án có quyền đề nghị xem xét lại quyết định này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc biết được quyết định.

5. Viện Kiểm sát cùng cấp có quyền kiến nghị xem xét lại quyết định này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được quyết định của Tòa án.

Nơi nhận:

- Các bên;
- VKSND huyện K;
- Cơ quan THADS huyện K;
- UBND xã B(Nơi đăng ký kết hôn);
- Lưu: Hồ sơ vụ việc, TA.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Đà Giang